

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN SÓC SƠN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HÀ NỘI

Bản án số: **62/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 27/12/2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Xuyên**.

Ông **Nguyễn Văn Vĩ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thập** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2024/TLST- HNGĐ ngày 08

tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Xuân Bách, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn X, xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2011, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội ngày 28/10/2011.

Sau khi kết hôn xong anh chị về sống cùng với bố mẹ chị tại thôn X, xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không chịu làm ăn, chơi bời cá độ dẫn đến nợ nần nhiều. Chị và gia đình có khuyên bảo anh B về tu chí làm ăn nhưng anh B không nghe vẫn cứ chơi bời. Do nợ nần nhiều nên anh B không về nhà ở mà chỉ thỉnh thoảng về thăm con lúc thì lại đi. Sau khi anh B chơi bời nợ nần thì chị và gia đình cũng khuyên anh B về nhà tu chí làm ăn để cùng nhau tháo gỡ nhưng anh B không nghe. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con: Chị và anh B có 02 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/12/2013. Hiện nay các con đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị nuôi cả 02 con, không đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị làm công nhân và làm thêm bán đồ ăn thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con đến khi các bên đương sự có yêu cầu khác hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn B hiện anh B cư trú tại thôn X, xã Quang T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ngày 10/12/2024 anh B vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh B, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang T, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/2011 ngày 28/10/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ham chơi dẫn đến nợ nần, không chịu tu chí làm ăn, không lo lắng cho gia đình, vợ con. Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương được biết vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn do anh B chơi bời dẫn đến nợ nần, anh B đi trốn nợ thỉnh thoảng mới về thăm con lúc rồi lại đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng lẫn nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên vợ chồng anh chị sống không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nữa. Như vậy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/12/2013. Ly hôn chị T đề nghị xin được nuôi cả 02 con. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại các con đang ở với chị T và các con có nguyện vọng muốn ở cùng chị T. Hiện chị T đang ở trên nhà đất của bố mẹ cho, có chỗ ở ổn định, anh B không có

chỗ ở ổn định nên thấy để đảm bảo cuộc sống của con cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của con sau ly hôn thấy cần tiếp tục giao cả 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi anh B nhiều lần nhưng không làm việc được với anh B, không biết hiện anh B đang làm gì, chị T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh B.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị T không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Quan hệ hôn nhân của hai bên chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/8/2012 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Biền cho đến khi nào có điều kiện hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0072625 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường